TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/DS-PT
Ngày: 24 - 01 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 368/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 369/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Tấn D, sinh năm: 1960; địa chỉ cư trú: Số 234/46/50 hẻm H2, đường Nguyễn Bính, khóm 2, hhường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phan Hoàng B, sinh năm: 1959; địa chỉ cư trú: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023 (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Thanh V, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Số 1378, Quốc lộ 63, khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng C, sinh năm: 1971; địa chỉ cư trú: Số 84, đường Lý Văn Lâm, khóm 3, phường 1, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Hồng C*: Luật sư Võ Thanh Tùng, Văn phòng Luật sư Thanh Tùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Hồng C (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Tấn D cho vợ chồng ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Hồng C vay nhiều lần, tổng số tiền 600.000.000 đồng có các biên nhận: Ngày 05/12/2017 vay 100.000.000 đồng; Ngày 26/7/2018 vay 50.000.000 đồng; Ngày 25/12/2018 vay 50.000.000 đồng; Ngày 15/7/2019 vay 200.000.000 đồng; Ngày 11/12/2019 vay 100.000.000 đồng; Ngày 03/01/2021 vay 100.000.000 đồng. Ông Trần Thanh V là người ký biên nhận và nhận tiền. Tại các biên nhận đều thể hiện nội dung mượn tiền, không ghi lãi suất nhưng thực tế có thỏa thuận vay lãi suất là 02%/tháng, khi nào có tiền thì trả vốn, lãi trả hàng tháng.

Quá trình vay, ông V và bà C đã trả đủ lãi 02%/tháng bằng tiền mặt từ tháng 12/2017 đến tháng 7/2020. Từ tháng 7/2020 đến tháng 3/2023, ông V trả lãi bằng chuyển khoản. Từ tháng 3/2023 đến nay, ông V không thanh toán lãi. Tổng cộng tiền chuyển khoản trả lãi 302.500.000 đồng, không nhớ rõ trả tiền mặt bao nhiêu, tiền vốn chưa trả. Do ông V vay trong thời gian hôn nhân với bà C, mục đích vay để vợ chồng kinh doanh. Ông V, bà C nộp đơn ly hôn cùng thời điểm với ông D khởi kiện đòi nợ nhưng ông V, bà C không khai nợ để tránh trách nhiệm. Ông D khởi kiện yêu cầu ông V và bà C thanh toán số tiền vốn vay 600.000.000 đồng, không yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất đã trả. Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2023, lãi suất là 1,66%/tháng, bằng tiền 39.840.000 đồng.

Theo bị đơn Trần Thanh V trình bày: Ông V có mượn tiền của ông Trương Tấn D nhiều lần bằng 600.000.000 đồng, không phải tiền vay nên không thỏa thuận tính lãi. Tại các biên nhận đều ghi mượn tiền, không ghi lãi suất. Khi mượn có thỏa thuận trả vốn hàng tháng cho đến hết. Do ông V không có khả năng trả đều vốn được nên có thỏa thuận ông V sẽ trả cho ông D tổng cộng là 700.000.000 đồng, trong đó vốn là 600.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng là bù thêm cho ông D.

Quá trình vay, ông V đã trả nhiều lần cho ông D bằng tiền mặt và trả chuyển khoản. Từ khi vay năm 2017 đến chuyển khoản tháng 7/2020, ông V trả bằng tiền mặt được 381.500.000 đồng, không viết biên nhận, giấy tờ theo dõi trả nợ. Chuyển khoản trả nợ từ tháng 7/2020 đến tháng 3/2023 được 302.500.000 đồng. Như vậy, ông V đã trả cho ông D tổng cộng 684.000.000 đồng, trong đó, đã trả hết tiền vốn 600.000.000 đồng và bù thêm cho ông D 84.000.000 đồng, còn nợ 16.000.000 đồng. Do tin tưởng nên khi trả hết tiền vốn không lấy lại các biên nhận nợ gốc.

Nay ông V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D vì đây là tiền mượn không thỏa thuận tính lãi. Ông V mượn tiền là mượn cá nhân. Thời điểm này, bà C và ông V đã ly thân, mỗi người sống một nơi. Bà C không liên quan nên ông V chịu trách nhiệm cá nhân trả số tiền 16.000.000 đồng còn thiếu.

- *Theo bị đơn Nguyễn Hồng C trình bày:* Bà C và ông V đã ly thân nhau từ năm 2015 đến tháng 4/2023 ly hôn. Khi ly thân, hai bên có thỏa thuận không can dự vào đời sống, kinh tế của nhau và trong thời gian ly thân ông V có sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác có một người con sinh ngày 19/7/2017. Ông V mượn tiền của ông D bà C không biết, không cùng ông D ký biên nhận nợ. Ông V mượn tiền không đưa cho bà C, không dùng vào mục đích chung của gia đình. Bà C xác định không liên quan đến khoảng nợ 600.000.000 đồng ông D khởi kiện, không đồng ý cùng ông V trả khoản nợ này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, quyết định: Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn D. Buộc ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Hồng C thanh toán cho ông Trương Tấn D số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/8/2023, ông Trần Thanh V có đơn kháng cáo, nội dung tiền nợ ông D là tiền mượn, không phải tiền vay và đã trả nợ cho ông D được số tiền 684.000.000 đồng. Số nợ này là nợ riêng của ông V, không liên quan bà C. Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông D về việc buộc ông V cùng bà C liên đới trả số tiền vay 600.000.000 đồng.

Ngày 07/8/2023, bà Nguyễn Hồng C có đơn kháng cáo, nội dung không liên quan đến khoản tiền giao dịch vay mượn nợ giữa ông D với ông V. Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông D về việc buộc bà C liên đới với ông V trả cho ông D số tiền 600.000.000 đồng.

Ngày 24/11/2023, ông Trần Thanh V có đơn rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; tranh luận đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý cùng ông V trả nợ cho ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận cho rằng số tiền 600.000.000 đồng là tiền mượn nợ, không phải tiền vay và là nợ riêng của ông V. Đề nghị không buộc bà C có nghĩa vụ liên đới cùng ông V trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hồng C; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng không buộc bà C liên đới cùng ông V trả cho ông D số tiền 600.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/11/2023, bị đơn Trần Thanh V có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Việc rút kháng cáo của ông V là tự nguyện, thực hiện sau khi Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 289, khoản 5

Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh V. Án sơ thẩm đã xử đối với ông V có hiệu lực thi hành.

[2] Về nội dung: Ông Trương Tấn D khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh V, bà Nguyễn Hồng C cùng liên đới trả nợ tiền vay 600.000.000 đồng. Ông V xác định tiền mượn cá nhân, không lãi suất, đã trả đủ vốn 600.000.000 đồng và có bù thêm 84.000.000 đồng do trả lãi không đúng thỏa thuận hàng tháng, chỉ còn nợ 16.000.000 đồng và là nợ riêng cá nhân, không liên quan đến bà C. Bà C xác định thời gian này đã ly thân với ông V, không liên quan đến khoản mượn nợ giữa ông D với ông V, không đồng ý cùng ông V trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm mượn nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên buộc ông V và bà C liên đới cùng trả cho ông D số tiền 600.000.000 đồng.

[2] Xét thấy, ông V mượn nợ của ông D nhiều lần có biên nhận, trong thời gian từ ngày 05/12/2017 đến ngày 03/01/2021. Ông V và bà C chính thức ly hôn thể hiện Quyết định số: 102/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Bản án sơ thẩm nhận định nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông V với bà C là đúng, nhưng việc xác định ông V, bà C phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ theo yêu cầu của ông D là chưa đánh giá toàn diện vụ án, do các đương sự không cung cấp đầy đủ chứng cứ.

[3] Xét tất cả 06 biên nhận nợ đều do ông V ký có nội dung ông V mượn tiền ông D, không thể hiện nội dung ông V cùng bà C mượn nợ, bà C không ký tên trong các biên nhận nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chính ông V thừa nhận tiền nợ ông D là nợ riêng của cá nhân ông, không liên quan đến bà C. Tại cấp sơ thẩm, bà C trình bày đã ly thân với ông V từ năm 2015, do ông V sống chung và có con với người phụ nữ khác, chứng cứ là kết quả xét nghiệm ADN và giấy khai sinh của người con tên Trần Đăng Khoa nên không liên quan đến tiền ông V nợ ông D. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông D cung cấp thêm chứng cứ chứng minh thời gian vay nợ ông V, bà C còn sống chung, có cuộc sống kinh tế chung gia đình gồm: Giấy xác nhận của Công an phường Tân Xuyên ông V và bà C có cơ sở kinh doanh kính cường lực tên Hồng Sương tại khóm 3 phường Tân Xuyên từ năm 2018 đến 2020; hồ sơ doanh nghiệp Hiệp Thành vay tiền của Ngân hàng Á Châu kéo dài trong nhiều năm cho đến 2021 có ông V, bà C cùng ký tên. Bà C cung cấp các chứng cứ chứng minh đã ly thân, sống riêng độc lập về kinh tế gồm: Giấy thỏa thuận ly thân ngày 15/11/2016, có nội dung ông V bà cẩm ly thân, phân chia tài sản vợ chồng, không có nợ chung, tài sản đứng tên bên nào là tài sản riêng của bên đó, nợ phát sinh đứng tên bên nào là nợ bên đó có trách nhiệm tự thanh toán riêng, văn bản này có cha, mẹ hai bên gia đình (bà Lự, ông Nghị, ông Hải, bà Xuân) ký tên làm chứng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Hiệp Thành do bà C làm chủ; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Hồng Sương do ông V đứng tên làm chủ từ năm 2019. Biên nhận ông V mượn nợ của bà C một tỷ đồng ngày 08/9/2019 để làm nhà xưởng kinh doanh riêng; các Biên nhận bà C giao tiền thêm cho ông V để thỏa thuận ly hôn năm 2023. Với các chứng cứ nêu trên cho thấy không đủ cơ sở xác định trong thời kỳ hôn nhân ông V, bà C có cùng mượn nợ ông D, cũng không có cơ sở xác định ông V mượn nợ ông D là để đáp ứng nhu

cầu thiết yếu của gia đình. Điều này phù hợp với trình bày của bà C là nợ riêng của ông V, bà C không biết nên khi ly hôn cả hai không đặt ra vấn đề nợ chung đối với số tiền còn nợ ông D.

[4] Từ nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Hồng C, sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc bà C phải liên đới trả cho ông D số tiền 600.000.000 đồng. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[5] Do chấp nhận kháng cáo nên án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm bà C không phải chịu. Ông V rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu 50% án phí phúc thẩm và phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Thanh V.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Hồng C; sửa Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau phần buộc bà Nguyễn Hồng C cùng ông Trần Thanh V thanh toán nợ cho ông Trương Tấn D.

2. Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các điều 27, 37, 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn D. Buộc ông Trần Thanh V thanh toán cho ông Trương Tấn D số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Trần Thanh V phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ngày 07/8/2023 ông V dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0003845 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, phần còn dư được chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Hồng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Ngày 07/8/2023 bà C dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0003846 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Nhân